

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ ỨNG DỤNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Tân Tiến*, Nguyễn Thị Thanh Hồng
 Trường Đại học Y Dược - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu này mô tả các phương pháp đang được giảng dạy các học phần ngoại ngữ tại trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên và đánh giá kết quả áp dụng các phương pháp giảng dạy đó bằng cách sử dụng các nghiên cứu mô tả, phương pháp điều tra, khảo sát. Nghiên cứu được tiến hành khảo sát tại 17 lớp học phần Tiếng Anh 2, 7 lớp học phần Tiếng Anh 3, 8 giảng viên của bộ môn Ngoại ngữ. Kết quả cho thấy phần lớn giảng viên của Bộ môn Ngoại ngữ đã áp dụng các phương pháp tích cực, tạo môi trường học tập tốt, gây hứng thú cho sinh viên, đồng thời đề xuất một số khuyến nghị để nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, học tập của sinh viên.

Từ khóa: Kỹ năng nghe hiểu, định hướng giao tiếp, phương pháp giảng dạy tích cực, phương pháp Ngữ pháp - dịch, phương pháp Nghe - nói

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây nền Giáo dục Việt Nam đã và đang tập trung đổi mới, hướng tới nền giáo dục hiện đại. Định hướng cơ bản của việc đổi mới giáo dục là chuyển từ nền giáo dục mang tính hàn lâm sang một nền giáo dục chú trọng hình thành năng lực hành động, phát huy tính chủ động sáng tạo của người học. Nhằm chuẩn hóa trình độ Ngoại ngữ của sinh viên, đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn và tăng cơ hội cạnh tranh trong tìm kiếm việc làm, thúc đẩy hội nhập quốc tế, Đại học Thái Nguyên đã nhân định ngoại ngữ kỹ năng quan trọng, sinh viên ra trường phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo Khung tham chiếu Châu Âu. Để đáp ứng được những yêu cầu trên, việc đổi mới phương pháp giảng dạy là vô cùng cần thiết. Xuất phát từ lý do trên, chúng tôi tiến hành đánh giá kết quả của các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ đã áp dụng hiện nay tại trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Đại học chính quy năm thứ 1 (BĐK K48), năm thứ 3 (BĐK K47)

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu thử mô tả.

Cơ mẫu nghiên cứu: Lấy mẫu thuận tiện: tất cả các sinh viên năm thứ 1, năm thứ 2 hiện đang học học phần Tiếng Anh 3, Tiếng Anh 4

Thu thập số liệu

Công cụ thu thập: Phiếu nghiên cứu, phỏng vấn và quan sát lớp

Xử lý số liệu: Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm thống kê y học.

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Phương pháp Ngữ pháp - Dịch

Phương pháp Ngữ pháp - Dịch (Grammar - Translation Method) hay còn gọi là phương pháp Truyền thống được áp dụng mạnh mẽ ở Việt Nam vào những năm 1970 cho đến tận những năm 1990

Về bản chất, theo phương pháp này, chương trình tập trung chủ yếu vào phát triển kỹ năng đọc hiểu, học thuộc lòng từ vựng, dịch văn bản, viết luận (composition) và phân tích ngôn ngữ (học để nắm chắc quy tắc ngôn ngữ). Quy trình thực hiện. Các bài khóa (texts) được biên soạn và chia ra thành từng đoạn ngắn. Việc giảng giải quy tắc ngôn ngữ là cơ bản. Sinh viên được học về ngữ pháp rất kỹ trên cơ sở các hiện tượng ngữ pháp cơ bản được rút ra từ các bài khóa. Để kiểm tra sự thông hiểu về nội dung bài khóa (nội dung văn hóa, đất nước học nói chung) và các quy tắc ngôn ngữ, SV bắt buộc phải dịch các bài

* Tel: 0988 905105; Email: tantienyk@gmail.com

khóa sang tiếng Việt. SV không được phép mắc lỗi ngôn ngữ, nếu có phải sửa ngay.

Ưu điểm: SV được rèn luyện rất kĩ về ngữ pháp và tiếp thu lượng từ vựng khá lớn, SV nắm được tương đối nhiều các cấu trúc câu cơ bản, thuộc lòng các bài khóa mẫu; SV có thể đọc hiểu nhanh các văn bản.

Hạn chế: Không giúp SV “giao tiếp” được. Hoạt động chủ yếu trong lớp là người thầy-thầy giảng giải, nói nhiều, SV thụ động ngồi nghe và ghi chép, không có ý kiến phản hồi hoặc không tham gia giao tiếp (nói) với thầy và bạn bè; Hoạt động dạy học chỉ diễn ra một chiều - SV hoàn toàn bị động, không có cơ hội thực hành giao tiếp trong lớp, khả năng sáng tạo và đặc biệt kĩ năng nói của sinh viên còn hạn chế.

Phương pháp Nghe – Nói

Về bản chất. Phương pháp Nghe Nói (Audiolingual Method or Audio-Oral Method) nhấn mạnh vào việc dạy kĩ năng nói và kĩ năng nghe trước kĩ năng đọc và kĩ năng viết. Như vậy, khác với phương pháp Ngữ pháp – Dịch, phương pháp này đáp ứng đúng mục tiêu cần đạt của người học là hình thành và phát triển cả bốn kĩ năng, nhưng ưu tiên phát triển nói, nghe trước đọc và viết. Việc cung cấp kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) được thực hiện xen lồng trong quá trình dạy học. Phương pháp Nghe-Nói ngăn cấm việc dùng tiếng mẹ đẻ trong lớp; khuyến khích tối đa dùng tiếng Anh trong quá trình dạy học.

Quy trình thực hiện: Luôn luôn nhấn mạnh phát triển hai kĩ năng nói và nghe là chủ yếu. Việc dạy học thông qua thực hành cấu trúc câu (structures) và qua các bài tập ứng dụng, người học tự phát hiện và tìm hiểu những điểm giống nhau (so với tiếng mẹ đẻ) về cấu trúc câu, cách phát ngôn và đưa ra các qui tắc ngôn ngữ. Yêu cầu người học bắt trước mẫu do người dạy cung cấp, ví dụ: các bài/mẫu đối thoại (dialogues) có chứa cấu trúc câu hoặc hiện tượng ngôn ngữ cần truyền đạt. SV luyện tập mẫu đó thực chất là hình thành một

thói quen ngôn ngữ theo các hình thức như: hỏi và trả lời về bài đối thoại mẫu, thực hành thêm một số bài tập cấu trúc (thay thế, bổ sung, chuyển đổi...). Phương pháp này đòi hỏi GV chú ý sửa lỗi cho SV (lỗi phát âm, lỗi cấu trúc). Các bài đối thoại mẫu cần phải chuẩn mực, các bài nghe cần được luyện tập kết hợp với thực hành nói. Sau khi đã lĩnh hội tài liệu bằng khẩu ngữ, SV tiếp tục luyện tập để hình thành và phát triển kĩ năng đọc và kĩ năng viết.

Ưu điểm: Phương pháp này có hiệu quả đối với những người mới học, đặc biệt là SV đào tạo theo địa chỉ, cử tuyển. SV cảm thấy phấn khởi và tự tin khi được nghe và tập bắt chước theo giáo viên.

Hạn chế: Đối với SV có trình độ cao việc học theo phương pháp này sẽ nhàm chán nếu không có sự điều chỉnh phương thức dạy học cần thiết; SV áp dụng những gì đã được lĩnh hội trong lớp học vào thực tiễn giao tiếp ngôn ngữ là khó. Các em không thể vận dụng các hình thức ngôn ngữ (các mẫu lời nói) được luyện tập trên lớp một cách tự nhiên vì tuy SV có khả năng nghe hiểu, nhớ và bắt chước (nói theo) ngay tại chỗ trong lớp học, song các em cũng rất chóng quên và cảm thấy bị “tắc” khi gặp tình huống tương tự trong giao tiếp thực, tức là không diễn đạt được những gì định nói mặc dù sau một thời gian dài học tập. Người ta cảm thấy nghi ngờ về tính hiệu quả của phương pháp này so với phương pháp Ngữ pháp-Dịch. Tuy nhiên, SV có thể nghe và nói thuần thục nếu các em được rèn luyện trong môi trường ngoại ngữ (language environment).

Phương pháp Giao tiếp

Phương pháp Giao tiếp (Communicative Approach) hay còn gọi là Đường hướng Giao tiếp được xem như phương pháp dạy học ngoại ngữ phổ biến, được hầu hết các giảng viên bộ môn Ngoại ngữ thường xuyên áp dụng. Hầu hết các giáo trình, SGK tiếng Anh ở các nước trên thế giới và ở Việt Nam đều được biên soạn dựa theo quan điểm giáo học

pháp của Phương pháp Giao tiếp. Phương pháp này do các nhà ngôn ngữ ứng dụng người Anh phát triển hoàn toàn khác biệt với Phương pháp dựa trên nền tảng ngữ pháp của Phương pháp Truyền thống.

Về bản chất: Phương pháp Giao tiếp nhấn mạnh vào mục tiêu của việc học ngôn ngữ - đó là *năng lực giao tiếp* (communicative competence). Người ta coi năng lực ngôn ngữ là khả năng bẩm sinh của mọi con người bình thường. Để giao tiếp được, phương pháp này đòi hỏi phải tính đến phương diện xã hội, văn hóa của ngôn ngữ, các điều kiện xã hội của quá trình sản sinh ngôn ngữ, và tính đến ngôn ngữ được dùng trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, phương pháp Giao tiếp còn chú ý tới phương diện nghĩa của ngôn ngữ, hay nói một cách khác cần lưu ý tới ý định giao tiếp (intention of communication). Khái niệm này về sau các nhà ngôn ngữ gọi là *chức năng ngôn ngữ* (language function). Như vậy, theo Phương pháp Giao tiếp ngôn ngữ không chỉ là phương tiện diễn đạt tư duy mà còn là phương tiện giao tiếp. Mục đích cuối cùng của người học ngoại ngữ không chỉ tiếp thu và nắm chắc kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) mà cần phải đạt được năng lực (khả năng) giao tiếp; tức là phát triển được tất cả 4 kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và sử dụng được ngôn ngữ để giao tiếp.

Quy trình thực hiện: Xuất phát từ bản chất của Phương pháp Giao tiếp, tài liệu giảng dạy theo đường hướng này cần được thiết kế để đáp ứng nhu cầu giúp người học có thể thực hiện được các chức năng ngôn ngữ khác nhau, chẳng hạn như *xin phép, đề nghị, yêu cầu ai đó làm việc gì; mô tả sự vật; bày tỏ sự quan tâm, thích thú hoặc không thích v.v*

Để giao tiếp hiệu quả, người học cần phải sử dụng các hình thức ngôn ngữ thích hợp với *tình huống giao tiếp* (situations), trong đó yêu cầu người tham gia giao tiếp phải thể hiện được *ý định giao tiếp* (intention) thông qua

việc thực hiện các *nhệm vụ* khác nhau (tasks).

Tiến trình giảng dạy diễn ra theo 5 bước: Giới thiệu ngữ liệu (presentation), Thực hành bài tập (Exercises); Hoạt động giao tiếp (Communicative activities); Đánh giá (Evaluation), Củng cố (Consolidation)

Ưu điểm: Phương pháp Giao tiếp có ưu điểm hơn hẳn các phương pháp khác là nó bao trùm mọi phương diện của quá trình dạy học ngoại ngữ: đó là các yếu tố ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, các yếu tố ngoài ngôn ngữ... nhằm rèn luyện kỹ năng giao tiếp hoàn chỉnh. Đặc biệt Phương pháp Giao tiếp coi hình thành và phát triển bốn kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc và viết là *mục đích cuối cùng* của quá trình dạy học. Các kiến thức ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp là *phương tiện, điều kiện* hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp. Vì vậy, phương pháp Giao tiếp thực sự giúp cho SV có khả năng sử dụng được tiếng Anh để giao tiếp.

Hạn chế: Phương pháp Giao tiếp nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết trong quá trình dạy học, trong đó kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp) không được quan tâm một cách thích đáng. Kết quả là một số SV cảm thấy khó có thể "giao tiếp" vì SV làm sao có thể nghe, nói, đọc, viết được một khi các em không nắm chắc hệ thống qui tắc ngôn ngữ. Mặt khác, theo quan điểm của phương pháp này, quan hệ giữa ý định giao tiếp (bao gồm các hành động lời nói hay là các chức năng ngôn ngữ học được) và hiện thực là quá phức tạp, không rõ ràng. Nói một cách khác, người ta khó có thể lựa chọn các phát ngôn theo chức năng phù hợp với nhu cầu giao tiếp thực tế đa dạng và rất phức tạp.

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Phần này trình bày về các phương pháp giảng dạy mà giảng viên bộ môn Ngoại ngữ thường xuyên áp dụng.

Bảng 1: Mức độ thường xuyên của việc sử dụng các phương pháp giảng dạy (N=8)

Phương pháp	Tần suất	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi sử dụng	Chưa sử dụng	Sắp hạng mức độ thường xuyên
Định hướng giao tiếp Communicative language teaching		90%	10%				1
Phương pháp nghe nói			40%	40%	20%		2
Phương pháp Ngữ pháp – dịch			20%	30%	40%	10%	3

Qua phỏng vấn, nhiều giảng viên cho rằng, bản chất của học phần và nội dung giảng dạy quyết định việc sử dụng phương pháp giảng dạy thích hợp. Nhiều giảng viên phát biểu, phương pháp, đặc biệt phương pháp có sử dụng các phương tiện giảng dạy hiện đại là tốt, nhưng chính khả năng chuyên môn cao mới là yếu tố quyết định

Bảng 2: Khảo sát phương pháp giảng dạy mà sinh viên thích học (N=160)

Phương pháp thích học	Rất thích	Bình thường	Không thích
Định hướng giao tiếp Communicative language teaching	70%	15%	5%
Phương pháp Nghe - nói	15%	10%	75%
Phương pháp Ngữ pháp – dịch	10%	10%	80%

Bảng 3: Hoạt động mà sinh viên yêu thích nhất (N=160)

Hình thức	Lựa chọn	Rất hữu ích	Hữu ích	Không hữu ích
Học một mình		0%	0%	100%
Học theo cặp		30%	70%	0%
Học theo nhóm		40%	60%	0%
Học với cả lớp		5%	5%	90%

BÀN LUẬN

Phần lớn giảng viên có giọng nói lưu loát, rõ ràng, diễn cảm và đôi lúc có nhấn mạnh những điểm trọng tâm. Tác phong mô phạm, chừng chạc, giàu kinh nghiệm, thỉnh thoảng xen lẫn tính khôi hài vừa phải và đặc biệt là có thái độ tôn trọng sinh viên. Một số giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp nhằm tích cực hoá sinh viên và bài giảng thêm sinh động. Phần lớn giảng viên sử dụng phương pháp định hướng giao tiếp. Đặc điểm nổi bật mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình quan sát các bài giảng của một số giảng viên bộ môn Ngoại ngữ là cái "tâm", là tinh thần trách nhiệm, tận tụy với nghề, là sự tận tình giải thích căn cứ nội dung bài giảng, trả lời tất cả những câu hỏi thắc mắc của sinh viên.

Về phía sinh viên, phần lớn sinh viên đều yêu thích phương pháp giảng dạy Định hướng

giao tiếp, hứng thú với hoạt động tập thể, đều sẵn sàng đều sẵn sàng tham gia vào các hoạt động thực hành giao tiếp và có mức độ hợp tác cao. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên thành công của phương pháp định hướng giao tiếp. Sinh viên thích hoạt động theo nhóm, các hoạt động mang tính tập thể. Đây là hình thức học rất tốt vì sinh viên có điều kiện phát huy khả năng sử dụng ngôn ngữ vào những tình huống cụ thể. Các hoạt động thảo luận theo nhóm đề trao đổi thông tin sẽ tạo ra sự tác động qua lại giữa các sinh viên với nhau, sinh viên sẽ trở nên chủ động hơn trong việc học của mình.

KHUYẾN NGHỊ

- Để các phương pháp giảng dạy theo định hướng giao tiếp đạt hiệu quả cao hơn, nhà trường cần đầu tư hơn các trang thiết bị hiện đại để học Ngoại ngữ như. Phòng học tiếng,

thư viện điện tử, máy quay phim... Bên cạnh đó, Nhà trường cần phân loại và xếp lớp sinh viên theo trình độ của sinh viên.

- Để đạt được mục đích giảng dạy tiếng Anh theo định hướng giao tiếp, những giờ trên lớp, giảng viên phải chú ý tăng cường vốn từ vựng hơn là phân tích ngữ pháp, chú trọng kỹ năng nghe nói chứ không phải đọc-viết, đặc biệt chú trọng việc phát âm.

- Sinh viên cần nhận thức rõ tầm quan trọng của môn Tiếng Anh từ đó hình thành động cơ hứng thú học tập, tự tạo thành các nhóm thực hành bài giảng ngoài lớp học để tạo thành thói quen nói trong phần xạ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 Anderson, A & Lynch, (1998) *Listening*, OUP

2 Nunan, (1991), *Language Teaching Methodology*, Prentice Hall International (UK) Ltd

3 Lê Văn Hào (2001), *Dialogical and Collaborative Learning in Vietnamese Culture: An Approach to Teaching Introductory Physics Courses* Luận án Tiến sĩ. The University of Melbourne: Department of Sciences and Mathematics

4. Nguyễn Minh Huệ, Nâng cao tính độc lập tư chủ cho người học kỹ năng viết thông qua việc phát triển các chiến lược làm chủ quá trình học VNU Journal of Science, Foreign Languages 24, 246-253 2008.

5 Nguyễn Văn Long, Thuận lợi, khó khăn và giải pháp trong việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy ngoại ngữ [ICT in language education Benefits, challenges and solutions]. Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng (The University of Danang Journal of Science and Technology), 1(30) (2009) 128

SUMMARY

EVALUATING ENGLISH TEACHING METHODS USED IN THAI NGUYEN UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Nguyen Thi Tan Tien*, Nguyen Thi Thanh Hong
University of Medicine and Pharmacy - TNU

With the main aim to describe English teaching methods used in Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy and evaluate the application of these method, the research used descriptive method and investigating method to study English teaching methods used in Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy. Teachers of English in Departement of Foreign languages, Freshman students and second - year - student in TUMP The results of the study showed that all the teachers of English at TUMP applied communicative language teaching method, created active learning environment and increased students' motivation and participation in learning activities

Key words: Active attitude, Communicative language teaching Method, Grammar - Translation Method, Audiolingual Method or Audio-Oral Method, Listening comprehension

Ngày nhận bài: 11/11/2016; Ngày phản biện: 30/11/2017; Ngày duyệt đăng: 31/03/2017

* Tel: 0988 905105; Email: tantienyk@gmail.com